



Số: 0243(1)-11.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Tiếng ồn
Ngày quan trắc : 16/11/2023
Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Tiếng ồn ^{(a)(*)}	TCVN 7878-2:2010	35 ÷ 130 dBA
2	Độ rung ^{(a)(*)}	TCVN 6963:2001	20 ÷ 150 dB

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Vị trí quan trắc	Thời gian quan trắc	Tiếng ồn	Độ rung
Đơn vị	-	dBA	dB
1. Khu vực gần cụm thiết bị nén	9h30	64,7	55
2. Khu vực khí nén	9h45	65,9	53
QCVN 26:2010/BTNMT	-	6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 55	-
Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất thương mại dịch vụ tại khu vực thông thường (QCVN 27:2010/BTNMT)	-	-	6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 60

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thanh Sơn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0243(1)-11.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của nước thải sau khi qua hệ thống xử lý
Ngày lấy mẫu : 16/11/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT7/02/16.11.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ ^(a) (*)	°C	31,1	4 ÷ 55	40	SMEWW 2550B:2017
2	pH ^(a) (*)	-	7,06	2 ÷ 12	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
3	DO ^(Δ)	mg/L	0,48	0,09	-	TCVN 7324: 2004
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	34,5	1,0	50	SMEWW 5210B:2017
5	COD ^(a)	mg/L	87,0	3,0	150	SMEWW 5220C:2017
6	TSS ^(a)	mg/L	40,0	4,0	100	TCVN 6625:2000
7	Cr (VI) ^(a)	mg/L	KPH	0,003	0,1	SMEWW 3500-Cr.B:2017
8	Sắt ^(a)	mg/L	0,175	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
9	Tổng Nito ^(a)	mg/L	13,9	2,0	40	TCVN 6638:2000
10	Tổng Phospho ^(a)	mg/L	1,05	0,03	6	SMEWW 4500-P.B&E:2017
11	Clorua ^(a)	mg/L	115,2	5,0	1.000	TCVN 6194:1996
12	SO ₄ ^{2-(Δ)}	mg/L	92	1,05	-	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E:2017
13	Tổng dầu, mỡ ^(Δ)	mg/L	KPH	0,3	-	SMEWW 5520.B:2023
14	Cu ^(Δ)	mg/L	KPH	0,015	2	SMEWW 3111.B: 2023
15	Pb ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0023	0,5	SMEWW 3111.B:2023
16	Zn ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0030	3	SMEWW 3111.B:2023
17	Cd ^(Δ)	mg/L	KPH	0,00015	0,1	SMEWW 3111.B:2023
18	Hg ^(Δ)	mg/L	KPH	25×10 ⁻⁵	0,01	TCVN 7877:2008
19	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	11,2	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014
20	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.400	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thanh Sơn



1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0243(1)-11.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại nhà điều khiển/ thí nghiệm
Ngày lấy mẫu : 16/11/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT8/02/16.11.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,5°C)	-	7,24	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	35,4	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	30,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,5	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	1,12	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,73	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	2,22	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	TDS ^(a) (*)	mg/L	517	0 ÷ 1.999	1.200	HD-QT-16*
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.000	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	0,024	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

*HD-QT-16: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo TDS tại hiện trường

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

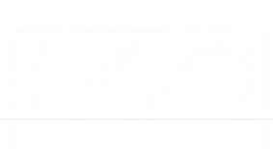
Nguyễn Thanh Sơn



1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



ARTS AND CULTURE

ARTS AND CULTURE

The National Council of the Arts and the National Endowment for the Arts are the two main federal agencies responsible for promoting and supporting the arts in the United States. The National Council of the Arts is a part of the Department of the Interior, while the National Endowment for the Arts is an independent agency. Both agencies have a long history of supporting the arts through grants, awards, and other programs. The National Council of the Arts has a focus on promoting the arts in rural areas, while the National Endowment for the Arts has a focus on promoting the arts in urban areas. Both agencies have a commitment to supporting the arts in all forms, including visual arts, performing arts, and literary arts. The National Council of the Arts and the National Endowment for the Arts are both committed to supporting the arts in the United States and to promoting the cultural heritage of the nation.



The National Council of the Arts and the National Endowment for the Arts are both committed to supporting the arts in the United States and to promoting the cultural heritage of the nation. The National Council of the Arts has a focus on promoting the arts in rural areas, while the National Endowment for the Arts has a focus on promoting the arts in urban areas. Both agencies have a commitment to supporting the arts in all forms, including visual arts, performing arts, and literary arts. The National Council of the Arts and the National Endowment for the Arts are both committed to supporting the arts in the United States and to promoting the cultural heritage of the nation.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT**

Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q. 12, TP. HCM, VN

Liên hệ: 0982.097.050

MST: 0316.727.024

Email: admin@moitruongnamviet.vn

Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0243(1)-11.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại nhà ăn
Ngày lấy mẫu : 16/11/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT9/02/16.11.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (31,3°C)	-	7,37	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	36,3	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	36,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	KPH	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	KPH	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,53	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	1,99	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	TDS ^(a) (*)	mg/L	721	0 ÷ 1.999	1.200	HD-QT-16*
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.300	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	0,083	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

*HD-QT-16: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo TDS tại hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**


Nguyễn Thanh Sơn



1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



REPUBLIC OF TURKEY
MINISTRY OF HEALTH
MINISTRY OF EDUCATION, SCIENCE AND TECHNOLOGY



... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..



Số: 0243(1)-11.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại nhà văn phòng
Ngày lấy mẫu : 16/11/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT10/02/16.11.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (31,4°C)	-	7,25	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	35,8	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	34,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,6	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	1,40	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,66	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	2,22	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	TDS ^(a) (*)	mg/L	542	0 ÷ 1.999	1.200	HD-QT-16*
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	1.600	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	0,042	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

*HD-QT-16: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo TDS tại hiện trường

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thanh Sơn



1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0243(1)-11.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại nhà bảo vệ (khu vực nhà máy)
Ngày lấy mẫu : 16/11/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT11/02/16.11.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,7°C)	-	6,96	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	35,4	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	24,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	KPH	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	1,68	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,56	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	2,18	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	TDS ^(a) (*)	mg/L	912	0 ÷ 1.999	1.200	HD-QT-16*
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.900	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	0,019	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

*HD-QT-16: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo TDS tại hiện trường

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thanh Sơn



1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0243(1)-11.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại nhà bảo vệ (khu vực kho chứa sản phẩm)
Ngày lấy mẫu : 16/11/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT12/02/16.11.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (31,2°C)	-	6,87	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	37,2	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	42,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	KPH	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	KPH	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,78	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	1,93	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	TDS ^(a) (*)	mg/L	758	0 ÷ 1.999	1.200	HD-QT-16*
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.900	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	0,034	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

*HD-QT-16: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo TDS tại hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thanh Sơn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT**

Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q. 12, TP. HCM, VN

Liên hệ: 0982.097.050

MST: 0316.727.024

Email: admin@moitruongnamviet.vn

Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0243(1)-11.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại phòng điều khiển (CCR)
Ngày lấy mẫu : 16/11/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT13/02/16.11.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,9°C)	-	7,51	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	35,8	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	34,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,6	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,52	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,59	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	2,02	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	TDS ^(a) (*)	mg/L	731	0 ÷ 1.999	1.200	HD-QT-16*
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.000	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	0,067	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

*HD-QT-16: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo TDS tại hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thanh Sơn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0243(1)-11.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại nhà kho/ xưởng (Workshop)
Ngày lấy mẫu : 16/11/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT14/02/16.11.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (31,2°C)	-	7,18	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	34,3	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	32,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,4	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	1,96	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,75	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	1,95	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	TDS ^(a) (*)	mg/L	671	0 ÷ 1.999	1.200	HD-QT-16*
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	1.600	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	0,059	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

*HD-QT-16: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo TDS tại hiện trường

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thanh Sơn

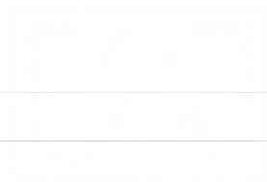


Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989

1988-1989



**CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT**

Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q. 12, TP. HCM, VN

Liên hệ: 0982.097.050

MST: 0316.727.024

Email: admin@moitruongnamviet.vn

Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0243(1)-11.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại phòng điều khiển khu vực cảng xuất sản phẩm
Ngày lấy mẫu : 16/11/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT15/02/16.11.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (31,5°C)	-	7,05	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	34,5	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	38,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,6	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	1,12	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,55	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	2,31	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	TDS ^(a) (*)	mg/L	176	0 ÷ 1.999	1.200	HD-QT-16*
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.400	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(A)	m ³ /h	0,046	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

*HD-QT-16: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo TDS tại hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thanh Sơn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



MINISTRY OF HEALTH AND FAMILY WELFARE



GOVERNMENT OF INDIA

MINISTRY OF HEALTH AND FAMILY WELFARE

DEPARTMENT OF HEALTH AND FAMILY WELFARE

GOVERNMENT OF INDIA

MINISTRY OF HEALTH AND FAMILY WELFARE

DEPARTMENT OF HEALTH AND FAMILY WELFARE

GOVERNMENT OF INDIA

MINISTRY OF HEALTH AND FAMILY WELFARE

DEPARTMENT OF HEALTH AND FAMILY WELFARE

GOVERNMENT OF INDIA

MINISTRY OF HEALTH AND FAMILY WELFARE

DEPARTMENT OF HEALTH AND FAMILY WELFARE

GOVERNMENT OF INDIA

MINISTRY OF HEALTH AND FAMILY WELFARE

DEPARTMENT OF HEALTH AND FAMILY WELFARE

GOVERNMENT OF INDIA

MINISTRY OF HEALTH AND FAMILY WELFARE

DEPARTMENT OF HEALTH AND FAMILY WELFARE

GOVERNMENT OF INDIA

MINISTRY OF HEALTH AND FAMILY WELFARE

DEPARTMENT OF HEALTH AND FAMILY WELFARE

GOVERNMENT OF INDIA

MINISTRY OF HEALTH AND FAMILY WELFARE